TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày 09 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà : Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân : Ông Trịnh Trung Tuyến

Ông Đỗ Trọng Hoành

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Hân - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà *:*

Ông Trịnh Đăng Hiệp - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở TAND huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST - HS ngày 25/4/2019 đối với bị cáo: Lê Khả T sinh ngày 06 tháng 3 năm 2000 tại xã X, huyện T , tỉnh T .

Nơi cư trú: Xóm 5 xã X , huyện T , tỉnh T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Khả T và bà Trịnh Thị D ; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 1; Chưa có vợ con.

Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.
- *Người bị hại*: Chị Nguyễn Thị D , sinh năm 1979.Có mặt
Trú tại: Khu 1 thị trấn T , huyện T , tỉnh T
- *Người làm chứng:* 1. Anh Nguyễn Ngọc D , sinh năm 1957. Vắng mặt
2. Anh Anh Trần Ngọc C , sinh năm 1966. Vắng mặt
3. Chị Trịnh Thị P , sinh năm 1970. Vắng mặt

Đều trú tại: Khu 6 thị trấn T , huyện T , tỉnh T .

4. Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1974. Vắng mặt

Trú tại: Khu 1 thị trấn T , huyện T , tỉnh T .

5. Chị Trịnh Thị D , sinh năm 1981. Có mặt

Trú tại: Thôn 5, xã X , huyện T , tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2018 đến tháng 01/2019 Lê Khả T làm việc tại quán cắt tóc, gội đầu của chị Nguyễn Thị D ở khu 1 thị trấn T . Quá trình làm việc tại quán T để ý và biết chị D cất giữ tài sản trong chiếc hòm tôn ở phòng ngủ tầng 2 nên T đã trộm cắp tài sản của chị D cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 12/9/2018 lợi dụng lúc chị D không có nhà, chồng chị D là anh Nguyễn Thế A đang cắt tóc nên T đã vào phòng ngủ của chị D , thấy chiếc hòm bằng tôn để trên chiếc ghế bằng gỗ, chiếc hòm được khóa bằng khóa Việt Tiệp. T quan sát thấy chiếc chìa khóa để trên kệ ti vi. T lấy chìa khóa mở khóa hòm tôn ra thì thấy bên trong có một tập tiền loại mệnh giá 500.000đ. T rút 8.000.000đ trong tập tiền đó, số tiền còn lại T để lại chỗ cũ rồi khóa hòm lại, để chìa khóa vào chỗ cũ và đi ra ngoài.

Lần 2 và 3: Tiếp đó trong tháng 9/2018 T đã vào phòng ngủ của chị D 02 lần mở hòm tôn và trộm cắp mỗi lần từ 6.000.000 đến 8.000.000đ.

Lần 4: Vào cuối tháng 10/2018 T vào phòng ngủ của chị D thấy chìa khóa và hòm tôn vẫn như cũ, T mở hòm tôn thấy bên trong có một chiếc hộp hình trái tim, T mở hộp thấy bên trong có chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, T lấy chiếc nhẫn cất giấu vào trong người, đậy nắp hộp, khóa chiếc hòm lại như cũ. T đem chiếc nhẫn đến hiệu vàng T, chủ tiệm vàng nói loại vàng ta loại 02 chỉ, T bán được hơn 7.000.000đ.

Lần 5: Vào tháng 11/2018 T vào phòng chị D thấy chiếc hòm và chìa khóa vẫn như cũ, T mở hòm lấy trộm 01 nhẫn vàng loại 02 chỉ. T đem ra hiệu vàng CB bán được 7.700.000đ.

Lần 6: Vào tháng 12/2019 T lại vào phòng chị D mở khóa hòm và lấy trộm 02 chiếc nhẫn: một chiếc loại 02 chỉ và 01 chiếc loại 01 chỉ. T bán vàng tại hiệu vàng M D được hơn 10.000.000đ.

Lần 7: Vào sáng ngày 10/01/2019 T lại vào phòng chị D . T nhìn thấy chiếc hòm tôn vẫn như cũ, bên trên có để một chiếc va ly bằng vải, nhìn trên kệ ti vi không thấy chìa khóa. T liền bê chiếc va ly để xuống đất và nhấc chiếc hòm tôn ra

thì thấy chìa khóa. T mở khóa hòm tôn và mở chiếc hộp đựng vàng ra, T lấy trộm 01 dây chuyền loại 10 chỉ cất giấu vào trong người, T khóa hòm rồi để lại như cũ. Chiều cùng ngày T bán vàng tại hiệu vàng T được 36.500.000đ. T xuống thành phố T chuyển số tiền 30.000.000đ vào tài khoản của mình. Số tiền còn lại T chi tiêu cá nhân, sau đó T rút trong tài khoản 2.500.000đ chi tiêu hết.

Trong tháng 10/2018 chị D phát hiện bị mất số tiền 22.500.000đ, chị nghĩ là chồng con chi tiêu nên không nói cho ai biết. Đến ngày 26/01/2019 chị D kiểm tra lại chiếc hòm tôn thì phát hiện mất 17 chỉ vàng. Biết rằng tài sản bi trộm cắp nên chị D đến cơ quan Công an trình báo.

Đối với T sau nhiều lần trộm cắp tài sản của chị D biết có người nghi ngờ mình nên ngày 27/01/2019 T và mẹ đẻ là bà Trịnh Thị D đã đến hiệu vàng T chuộc lại sợi dây chuyền 10 chỉ và số tiền 27.500.000đ trong tài khoản đến cơ quan điều tra Công an huyện T đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp của mình.

Cơ quan điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã thu giữ tài sản, tiến hành Trưng cầu giám định và trưng cầu định giá sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng.

Tại Bản kết luận giám định số 613/C09(P4) ngày 15/02/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công ankết luận: Sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khối lượng 37,49g là vàng(Au), hàm lượng vàng trung bình 99,16%. Ngoài ra còn có hàm lượng Bạc(Ag) 0,56%, hàm lượng đồng (Cu) 0,28%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL - HĐĐG ngày 08/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị của Sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khối lượng 37,49g là vàng(Au), hàm lượng vàng trung bình 99,16%. Ngoài ra còn có hàm lượng Bạc(Ag) 0,56%, hàm lượng đồng (Cu) 0,28% tại thời điểm trộm cắp trị giá là 36.480.000đ.

Bị hại là chị Nguyễn Thị D đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu gì và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 24/CT - VKS ngày 12/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo Lê Khả T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Khả T phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 BLHS xử phạt: Bị cáo Lê Khả T từ

33(Ba mươi ba) tháng đến 36(Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án; Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tại liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Tại phiên toà bị cáo Lê Khả T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại trong quá trình điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản thu giữ tang vật, lời khai của những người làm chứng đều phản ánh thống nhất khách quan: Trong khoảng thời gian từ ngày 12/9/2018 đến ngày 10/01/2019 bị cáo Lê Khả T đã có hành vi 07(Bảy) lần trộm cắp tài sản là 22.500.000đ và 17 chỉ vàng trị giá 62.016.000đ, tổng trị giá 84.516.000đ. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Tổng giá trị tài sản bị cáo T trộm cắp là 84.516.000đ nên bị cáo T phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 BLHS.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Khả T phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Cáo trạng số 24/CT - VKS ngày 12/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lê Khả T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất của vụ án thì HĐXX thấy rằng: Vụ án có tính chất nghiêm trọng.

Xét về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thì HĐXX thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật nhà nước bảo vệ. Hành vi đó đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là thanh niên tuổi đời còn trẻ nhưng lười lao động, không chịu khó làm ăn, tu dưỡng đạo đức, thích hưởng thụ tài sản trên công sức lao động của người khác. Bị cáo đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Điều đó chứng tỏ rằng bị cáo rất coi thường pháp luật. Bị cáo đã phạm tội hai lần trở lên. Vì vậy HĐXX bắt bị cáo cách ly xã hội 01 thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

Khi xem xét về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì HĐXX thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt; Bị cáo phạm tội

hai lần trở lên nên bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS; Bị cáo đã đầu thú và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. Mặt khác bị cáo hiện tại đang mắc bệnh Tiểu đường, sức khỏe không tốt nên HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[II] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

[III]Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 BLHS;

- Tuyên bố**:** Bị cáo Lê Khả T phạm tội "Trộm cắp tài sản".
- Xử phạt: Bị cáo Lê Khả T 30(Ba mươi)tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.
- Về án phí**:** Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Lê Khả T phải chịu 200.000đ án phí HSST nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng

Nơi nhận:
- VKSND;
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện Thọ Xuân
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.